

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Kết và bà Ngô Hồng Dưỡng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm A, xã ĐD, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số: 091182008900 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021 (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm A, xã ĐD, tỉnh Cà Mau. Chứng minh nhân dân số: 381340667 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/5/2008 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay là xã ĐD, tỉnh Cà Mau) vào năm 2021, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh C phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cự cãi và ly thân từ năm 2020 đến nay và hiện tại anh chị mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị yêu cầu ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung là cháu Trần Thị Diễm M, sinh năm 2004, cháu Trần Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2008 và cháu Trần Nguyễn Khánh V, sinh ngày 22/7/2020. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu V, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Đối với cháu M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thúy H có đơn xin xử vắng mặt. Anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh C chung sống có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cự cãi và ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh C không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị H được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Cháu M đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Cháu K và cháu V đang sống chung với chị H vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và cháu K có nguyện vọng sống chung chị H. Anh C không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Công cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thúy H, cho chị Nguyễn Thúy H được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2008 và cháu Trần Nguyễn Khánh V, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Nguyễn Thúy H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012006 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- PTHADS khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng